

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày 16/12/2019
“Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yên Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Quang.
2. Ông Thái Đình Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST-DS ngày 05/9/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị D trình bày: Vào ngày 08/3/2017 (âm lịch) bà Nguyễn Thị M có mượn của bà D số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để cho con mua máy móc làm ăn. Khi mượn tiền có bà M và con bà là Hồ Thế T đến mượn tiền. Bà M đứng tên người mượn trong giấy mượn tiền và ký xác nhận. Hai bên thỏa thuận là sau thời hạn khoảng 03 (ba) tháng nếu con bà M không trả thì bà M sẽ vay Ngân hàng trả nợ cho bà D đủ số tiền trên. Tuy nhiên đến hạn trả tiền nhưng bà M đã không trả tiền nợ cho bà D như đã thỏa thuận. Bà D đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng bà M tỏ thái độ thách thức chứ không có thiện chí trả nợ. Vì vậy bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà D toàn

bộ số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu về tiền lãi. Ngoài ra bà D không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn là bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/10/2019 và ngày 12/11/2019 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) Đơn khởi kiện ngày 16/8/2019 của bà Trần Thị D; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của bà Trần Thị D (bản sao); 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản sao); 01 (một) Giấy mượn tiền ngày 08/3/2017 (bản gốc); 01 (một) Bản tự khai ngày 05/9/2019 của bà Trần Thị D; Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn T1, xã T, huyện Đ, Gia Lai nên bà Trần Thị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M phải trả toàn bộ khoản tiền nợ đã vay. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng bà Nguyễn Thị M không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 173; Điều 177; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Xét về nội D vụ án:

Qua lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị D và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện: Ngày 08/3/2017 (âm lịch) bà Nguyễn Thị M có vay của bà Trần Thị D số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập bị đơn đến làm việc về khoản tiền nợ nhưng bị đơn vắng mặt, không có lời khai trong hồ sơ vụ án và không có văn bản ý kiến gì. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 08/3/2017 âm lịch do bị đơn viết là có cơ sở để chấp nhận.

Xét việc vay mượn tiền giữa bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị M là hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận thời hạn trả tiền vay. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà Nguyễn Thị M đã không thực hiện như đã thỏa thuận, nên bà D có đơn khởi kiện để yêu cầu

Tòa án giải quyết để buộc bà M phải trả số tiền nợ vay theo quy định tại Điều 463 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Về tiền lãi: Tại Giấy mượn tiền đề ngày 08/3/2017 âm lịch các bên không đề cập đến lãi suất và tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời hạn trả nợ: Bà Nguyễn Thị M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn là bà Trần Thị D yêu cầu phía bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ một lần là có cơ sở nên cần chấp nhận.

3. Xét về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 173; Điều 177; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị D số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004453 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi họ cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Yến Ngọc